

HƯỚNG DẪN LẬP TRÌNH TRUNG TÂM BẢO ĐỘNG HY-518A (PSTN)

Program Password: 888888. User Password (User 1): 1234.







Phím  tương ứng OK.

Phím  tương ứng BACK.

Dùng phím BACK để trở lại thao tác trước đó.

Các phím di chuyển dấu nháy: [4] hoặc [6] tương ứng qua trái hoặc phải. [2] hoặc [8] tương ứng lên hoặc xuống.

Thao tác trên bàn phím:

| | <i>Thao tác</i> | <i>Chú thích</i> |
|--|--|--|
| <i>Away Arm</i> | <i>[user password] +  Hoặc Nhấn  3s.</i> | |
| <i>Home Arm (Stay Arm)</i> | <i>[user password] + [0] + </i> | |
| <i>Disarm</i> | <i>[user password] + </i> | |
| <i>Báo động khẩn cấp</i> | <i>Nhấn SOS 3s.</i> | |
| <i>Vào trạng thái lập trình</i> | <i>[program password] + [OK]</i> | |
| <i>Vào trạng thái cài đặt thiết bị không dây</i> | <i>[program password] + [0] + [OK]</i> | |
| <i>Thoát trạng thái cài đặt</i> | <i>Nhấn BACK 3s.</i> | |
| <i>Zone Bypass</i> | <i>[user password] + [Zone.No.] + [Bypas]</i> | <i>Zone.No. 01 – 16 Phải Disarm trung tâm mới thao tác được. (Chỉ có tác dụng 1 lần)</i> |
| <i>Alone Disarm</i> | <i>[user password] + [Zone.No.] + </i> | <i>Zone.No. 01-16 Dùng để Disarm zone tùy chọn. Kích hoạt trung tâm AwayArm/StayArm trước khi Alone Disarm (Chỉ có tác dụng 1 lần)</i> |
| <i>Alone Arm</i> | <i>[user password] + [Zone.No.] + </i> | <i>Zone.No. 01-16 Dùng để kích hoạt zone tùy chọn. (Chỉ có tác dụng 1 lần)</i> |
| <i>Ghi âm âm báo động</i> | <i>[23] + [OK]</i> | <i>Ghi được 25s.</i> |
| <i>Nghe lại âm báo động</i> | <i>[24] + [OK]</i> | |
| <i>Xem lỗi hệ thống</i> | <i>[10] + [OK]</i> | |

| | | |
|--|-------------|--|
| Xem danh sách zone được kích hoạt. | [11] + [OK] | |
| Xem nhật ký báo động | [13] + [OK] | |
| Bật Relay trung tâm | [21] + [OK] | Chỉ sử dụng khi kích hoạt Relay điều khiển bằng tay. |
| Tắt Relay trung tâm | [22] + [OK] | |
| Vào bảng điều khiển Module Relay mở rộng | [26] + [OK] | Chỉ sử dụng khi có module relay mở rộng. |

A. CÀI ĐẶT CẢM BIẾN, REMOTE:

TRONG TRẠNG THÁI CHỜ, NHẬP [PROGRAM PASSWORD] + [0] + [OK].

1. CÀI ĐẶT CẢM BIẾN KHÔNG DÂY:

Trung tâm có 16 zone không dây, 1 zone cài đặt được 3 cảm biến.

Chọn **Enroll detector**, sau đó nhấn [OK].

Để chọn zone dùng phím [4] hoặc [6], chọn cảm biến dùng phím [2] hoặc [8] sau đó [OK]. Sau đó kích hoạt cảm biến.

2. XÓA CẢM BIẾN ĐÃ CÀI ĐẶT:

Tương tự như bước cài đặt cảm biến, vào tới trình đơn **Enroll detector**, nhấn [OK].

Dùng phím [4] hoặc [6] chọn zone muốn xóa, sau đó dùng phím [2] hoặc [8] chọn **Delete**, sau đó nhấn [OK] (xóa tất cả 3 cảm biến trong zone).

3. CÀI ĐẶT REMOTE:

Có thể cài đặt 8 remote.

Chọn **Enroll remote**, nhấn [OK].

Dùng phím [4] hoặc [6] để chọn remote rồi [OK]. Sau đó kích hoạt remote.

- Lưu ý: mặc định các remote 5,6,7,8 chưa được kích hoạt. Nếu muốn sử dụng thì phải thiết lập tại địa chỉ 005 – 008, tham khảo mục “D. Các thiết lập nâng cao – 2.Thay đổi mã người dùng”.

4. XÓA REMOTE:

Tương tự như bước cài đặt remote, vào tới trình đơn **Enroll remote**, nhấn [OK]. Dùng phím [4] hoặc [6] để chọn remote muốn xóa, sau đó dùng phím [2] hoặc [8] chọn **Delete**, nhấn [OK].

5. XÓA TẤT CẢ CÁC THIẾT BỊ KHÔNG DÂY (REMOTE VÀ CẢM BIẾN):

TRONG TRẠNG THÁI CHỜ, NHẬP [PROGRAM PASSWORD] + [OK]
[900] + [OK] + [900] + [OK]

B. CÀI ĐẶT SỐ ĐIỆN THOẠI BÁO ĐỘNG, ĐIỀU KHIỂN HỆ THỐNG TỪ XA

TRONG TRẠNG THÁI CHỜ, NHẬP [PROGRAM PASSWORD] + [OK].

1. CÀI ĐẶT SỐ ĐIỆN THOẠI:

Có thể cài được 8 số điện thoại.

- Cài số thứ 1: [101] + [OK] + [số điện thoại] + [OK]
- Cài số thứ 2: [102] + [OK] + [số điện thoại] + [OK]
-
- Cài số thứ 8: [108] + [OK] + [số điện thoại] + [OK]

Lưu ý: nếu không gọi điện, vào địa chỉ 109:

- [109] + [OK] + [11111111] + [OK]

2. XÓA SỐ ĐIỆN THOẠI:

- Xóa số thứ 1: [101] + [OK] + [BACK] + [OK]
-
- Xóa số thứ 8: [108] + [OK] + [BACK] + [OK]

3. CÀI ĐẶT CÁC KIỂU BÁO ĐỘNG CHO SỐ ĐIỆN THOẠI:

- Số thứ 1 → số thứ 8 tương ứng địa chỉ 111 → 118.

[111 - 118] + [OK] + [system alarm - X] + [system information - X] + [arming/disarm - X] + [zone restore - X] + [OK]

- **System alarm:** 0 – 1. 0: không report (gọi/nhắn tin) khi có báo động. 1: có. **Mặc định 1.**
- **System information:** AC loss, AC restore, panel low power và power restore, module default và default restore 0: không report. 1: có. **Mặc định: 0.**
- **Arming/Disarm:** 0 – 1. 0: không report (gọi/nhắn tin) khi arming/disarm. 1: có. **Mặc định 0.**
- **Zone restore:** 0 – 1. 0: không report (gọi/nhắn tin) khi zone restore. 1: có. **Mặc định 0.**

4. XỬ LÝ KHI NHẬN ĐƯỢC CUỘC GỌI BÁO ĐỘNG:

Khi nhận cuộc gọi báo động, sau khi nghe hết âm báo động (khoảng 17s), sau 1 tiếng “Di” trung tâm sẽ dành 5 giây để nhập chỉ thị từ xa, nhập:

- | | |
|--|---------------------------------|
| 0#: Thoát | 5#: Mở còi báo động |
| 1#: Bật trung tâm (AWAY ARM) | 6#: Tắt còi báo động |
| 2#: Tắt báo động (ALARM) và Tắt trung tâm (DISARM) | 7#: Tắt/Mở âm thanh hiện trường |

5. ĐIỀU KHIỂN TRUNG TÂM TỪ XA:

- *Điều khiển bằng cuộc gọi:*

- Lưu ý: để sử dụng được chức năng này, phải chỉnh lại thông số **Ring Times (địa chỉ lập trình 405) (số lần đổ chuông khi gọi từ xa)** khác 0. (có giá trị 00 – 10).
- Sau số hồi chuông thiết lập trước trung tâm tự động nghe máy, sau khi nghe âm “Di” ngắn, nhập **[user password] (mặc định 1234) + [#]**. Nếu nhập chính xác nghe 1 âm “Di” ngắn, ta có thể nhập tiếp các chỉ thị như dưới:

- | | |
|--|---------------------------------|
| 0#: Thoát | 5#: Mở còi báo động |
| 1#: Bật trung tâm (AWAY ARM) | 6#: Tắt còi báo động |
| 2#: Tắt báo động (ALARM) và Tắt trung tâm (DISARM) | 7#: Tắt/Mở âm thanh hiện trường |

C. CÁC THIẾT LẬP PHỔ BIẾN

TRONG TRẠNG THÁI CHỜ, NHẬP [PROGRAM PASSWORD] + [OK].

1. CÀI ĐẶT CÒI KHÔNG DÂY:

- Kích hoạt còi không dây: [415] + [OK] + [XX] + [OK] (XX: 00: tắt, 01: bật).
- Nhập mã code còi không dây: [416] + [OK] + [XXXXXXXX] + [OK]

2. CÀI ĐẶT THỜI GIAN CHO HỆ THỐNG:

- [500] + [OK] + [năm] + [tháng] + [ngày] + [giờ] + [phút] + [giây] + [OK]
- Lưu ý: Mỗi đơn vị nhập 2 chữ số.

3. HẸN GIỜ BẬT TẮT HỆ THỐNG:

Có thể tắt mở hệ thống 4 lần.

- Lần 1:

- o [501] + [OK] + [thời gian bật] + [thời gian tắt] + [OK]
- o [502] + [OK] + [ngày trong tuần] + [OK] (ngày trong tuần có giá trị 1-7 tương ứng thứ Hai - CN).

VD: Cài đặt thời gian bật là 06:00, tắt là 19:30, thứ 3, thứ 5 và thứ 6.

Nhập: [501] + [OK] + [0600] + [1930] + [OK]

[502] + [OK] + [245] + [OK]

- Lần 2, 3 và 4: tương ứng 504 – 505, 507 – 508, 510 – 511.

4. CÀI ĐẶT THỜI GIAN HÚ CÒI:

[401] + [OK] + [XX] + [OK]

Thời gian hú còi: 00 – 99 phút, mặc định 05. Tắt hẳn còi hú nếu cài đặt 00.

5. THIẾT LẬP HỖ TRỢ ÂM BÁO KHI ARMING/DISARM VỚI CÒI HÚ NGOÀI (CÓ DÂY):

[402] + [OK] + [XX] + [OK]

Trong đó XX : 00 – 01. 00: tắt. 01: bật. **Mặc định 00.**

6. BẬT / TẮT CHỨC NĂNG CHO PHÉP ARMING (BẬT BẢO ĐỘNG) KHI CÓ ZONE LỖI:

[409] + [OK] + [XX] + [OK]

- Trong đó, XX: 00 – 01. 00:tắt (không thể arming khi có zone lỗi) . 01:bật (có thể arming khi có zone lỗi). **Mặc định 00.**

7. KHÔI PHỤC CÀI ĐẶT GỐC:

[902] + [OK] + [902] + [OK].

Sau khi khôi phục mặc định, nên chỉnh lại các thông số dưới:

[109] + [OK] + [11111111] + [OK]

[420] + [OK] + [00000001] + [OK]

[405] + [OK] + [05] + [OK]

[111 - 118] + [OK] + [1000] + [OK]

[409] + [OK] + [00] + [OK]

D. CÁC THIẾT LẬP NÂNG CAO

1. THAY ĐỔI MÃ LẬP TRÌNH (PROGRAM PASSWORD) (mặc định 888888):

[000] + [OK] + [XXXXXXXX] + [OK]

2. THAY ĐỔI MÃ NGƯỜI DÙNG (USER PASSWORD):

8 người dùng tương ứng với 8 user password dùng để tắt/mở trung tâm.

[001 - 008] + [OK] + [AA] + [XXXX] + [OK]

Trong đó:

- **AA: user pass level** : 00 – 02. 00: không sử dụng. 01: chỉ dùng được Away Arm và Home Arm, không dùng được **Disarm**. 02: tắt cả các quyền sử dụng . (**chức năng SOS không phụ thuộc vào level user**).
- **XXXX**: user password.
- Mặc định:

| | | | |
|---------------|---------------|----------------|----------------|
| User 1:021234 | User 2:025678 | User 3:020000 | User 4:020000 |
| User 5:000000 | User 6:000000 | User 7: 000000 | User 8: 000000 |

3. CÀI ĐẶT CÁC THÔNG SỐ CHO ZONE: (Dữ liệu mặc định: 021105)

- Zone 1 → Zone 16 tương ứng 201 → 216

[201 → 216] + [OK] + [zone type - XX] + [manual bypass operation - X] + [home arming - X] + [zone avoiding alarm failure - X] + [zone locking - X] + [OK]

+ **Zone type**: 00 – 10. **Mặc định là kiểu 02.**

| | Zone type | Delay | Output alarm voice | Arm | Disarm | “Ding Dong” |
|----|-----------|---------|--------------------|-----|--------|-------------|
| 00 | Disable | x | x | x | x | x |
| 01 | Delay | √ (15s) | √ | √ | x | x |
| 02 | Burglar | x | √ | √ | x | x |
| 03 | Perimeter | x | √ | √ | x | x |
| 04 | Day-night | x | √ | √ | x | √ |
| 05 | Silent | x | x | √ | √ | x |
| 06 | Audible | x | √ | √ | √ | x |
| 07 | Fire | x | √ | √ | √ | x |
| 08 | Gas | x | √ | √ | √ | x |
| 09 | Medical | x | √ | √ | √ | x |
| 10 | Doorbell | x | x | x | x | √ |

Day – night : khi Disarm, nếu cảm biến có tín hiệu, trung tâm sẽ phát tiếng “Ding Dong” và không gọi báo động. Khi Arming thì báo động bình thường.

Doorbell: không phụ thuộc Disarm hoặc Arming, nếu cảm biến có tín hiệu, trung tâm phát ra “Ding Dong” và không gọi báo động.

+ **Manual bypass operation**: 0 – 1. 0: tắt chức năng bypass. 1: bật. **Mặc định 1.**

+ **Home arming**: 0 – 1. 0: không chọn zone này trong chế độ HOME. 1: chọn. **Mặc định 1.**

+ **Zone avoiding alarm failure**: 0 – 1. **Mặc định 0.**

+ **Zone locking**: 0 – 9. **Mặc định 5.**

4. CÀI ĐẶT THỜI GIAN TRỄ CHO REMOTE (ARM DELAY):

[403] + [OK] + [thời gian trễ] + [OK]

Thời gian trễ cho remote có giá trị (00 - 99)*3s.

VD: cài đặt thời gian trễ cho remote là 15s → [403] + [OK] + [05] + [OK]

5. CÀI ĐẶT THỜI GIAN TRỄ CHO CẢM BIẾN (DỪNG CHO ZONE KIỂU DELAY):

[404] + [OK] + [thời gian trễ] + [OK]

Thời gian trễ cho cảm biến có giá trị (00 - 99)*3s.

VD: cài đặt thời gian trễ cho cảm biến là 21s → [403] + [OK] + [07] + [OK]

6. ĐẶT SỐ LẦN ĐÓ CHUÔNG KHI GỌI HỆ THỐNG TỪ XA:

[405] + [OK] + [XX] + [OK]

Trong đó XX: 00 – 10. **Mặc định là 05.**

Muốn điều khiển trung tâm từ xa bằng cuộc gọi thì phải thiết lập thông số này khác 0.

7. ĐẶT CHU KỲ QUAY SỐ BÁO ĐỘNG:

[119] + [OK] + [XX] + [OK]

Trong đó, XX: 00 -15. **Mặc định 05.**

8. CÀI ĐẶT THỜI GIAN REPORT LỖI HỆ THỐNG:

[412] + [OK] + [thời gian report telephone line] + [thời gian AC power] + [OK]

Trong đó, thời gian report telephone line 00 – 99 giây, thời gian AC power 00 – 99 giây.

Mặc định: 0030.

9. CÀI ĐẶT REPORT AC LOSS:

[426] + [OK] + [XX] + [OK]

Trong đó XX 00 – 01. 00: không report. 01: có report. **Mặc định: 00.**

10. LẬP TRÌNH CHO RELAY TRÊN TRUNG TÂM:

[400] + [OK] + [output type] + [output module] + [output time] + [OK]

- Output type: 00 – 08 : 00 = no type, 01 = system alarm, 02 = panel arming, 03 = AC power cut off, 04 = panel low power, 05 = telephone line fault, 06 = GSM fault, 08 = keypad control.

- Output module: 00 – 01: 00 = impulse output, 01 = lasting output.

- Output time: 00 – 99 phút. 00 = không hoạt động.

Mặc định: 010005.

11. MỘT SỐ DẠNG ÂM BÁO THUỜNG GẶP:

- 1 âm beep ngắn: Cài đặt thành công thiết bị không dây. Arming thành công.

- 1 âm beep dài: Thao tác sai mã lệnh.

Thiết bị không dây đã cài rồi.

- 2 âm beep ngắn: Thao tác thành công.

Disarm thành công.

- 1 âm beep dài mỗi 15 giây: Lỗi hệ thống.

- 1 âm beep ngắn mỗi 1 giây: Remote delay /zone delay

► Lưu ý:

- Nếu gặp khó khăn trong quá trình cài đặt, quý khách vui lòng liên hệ nhà cung cấp gần nhất để được tư vấn.

- Sản phẩm sẽ không được bảo hành nếu Quý khách hàng lập trình sai không theo hướng dẫn sử dụng.

- Chúc quý khách thành công.